

tranh ngăn chặn các hành vi khai thác thủy sản bằng chất nổ, chất độc, xung điện.

8. Kinh phí hàng năm phục vụ cho công tác tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục và kiểm tra, truy bắt các hoạt động khai thác thủy sản bằng chất nổ, xung điện và chất độc được trích từ tiền thu được do xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Bộ Tài chính thống nhất với Bộ Thủy sản quy định cụ thể về tỷ lệ được trích và nguyên tắc quản lý, sử dụng khoản kinh phí này, đảm bảo có kinh phí cho các hoạt động. Trước mắt Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí một phần kinh phí từ nguồn vốn của chương trình Biển Đông và hải đảo để Bộ Thủy sản tiến hành ngay các hoạt động này trong quý I năm 1998.

9. Bộ Thủy sản có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện Chỉ thị này và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Bộ trưởng các Bộ: Thủy sản, Quốc phòng, Nội vụ, Công nghiệp, Văn hóa - Thông tin, các Bộ, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Chỉ thị này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN CÔNG TẬN

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 1/1998/QĐ-TTg ngày 5-1-1998 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn từ nay tới năm 2010.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Thẩm định nhà nước về các dự án đầu tư tại Công văn số 6921-HĐTD ngày 31-10-1997,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm 12 tỉnh (Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bến Tre, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau) với những nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

1. Về kinh tế:

- Phấn đấu tăng GDP bình quân đầu người từ nay đến năm 2000 bằng 1,5 lần và đến năm 2010 bằng 3,54 lần so với năm 1994.

- Phát triển kinh tế đối ngoại phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân từ nay tới năm 2010 đạt 18%/năm; kim ngạch xuất khẩu đạt 1.490 triệu USD vào năm 2000, và 8.600 triệu USD vào năm 2010.

- Thực hiện tỷ lệ tích lũy đầu tư từ nội bộ nền kinh tế đạt 11,6% GDP thời kỳ từ nay tới năm 2000; và đạt 15,5% GDP thời kỳ 2001 - 2010.

- Phấn đấu đổi mới công nghệ và thiết bị, tốc độ đổi mới 15%/năm đối với các thiết bị và công nghệ hiện có; trang bị công nghệ tiên tiến cho các cơ sở mới; tạo ra sản phẩm công nông nghiệp và dịch vụ có sức cạnh tranh trên thị trường.

2. Về xã hội:

- Tạo việc làm, thu hẹp diện lao động thiếu việc làm, phấn đấu tăng tỷ lệ lao động công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đạt 50% lao động của vùng; đến năm 2005 cơ bản xóa được tình trạng hộ đói; đến năm 2000 điện khí hóa nông thôn 100%, số hộ nông dân được dùng điện là 90% và 100% số dân nông thôn được cấp nước sạch, hơn 90% số dân có nhà ở kiên cố và bán kiên cố.

- Phấn đấu phổ cập giáo dục tiểu học cho trẻ em vào năm 2000, phổ cập phổ thông trung học cơ sở ở các thành phố, thị xã vào năm 2010; đa dạng hóa các hình thức đào tạo chuyên nghiệp và dạy nghề, đưa tỷ lệ lao động kỹ thuật đạt 30% vào năm 2010.

- Củng cố phát triển mạng lưới y tế, chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; bảo đảm tốt các nhu cầu cơ bản cho người dân, chú trọng cải thiện điều kiện sống cho vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo. Xây dựng xã hội công bằng, văn minh; xây dựng văn hóa cộng đồng lành mạnh, xóa bỏ các tệ nạn xã hội.

- Phấn đấu phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với cải thiện môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

3. Về an ninh quốc phòng:

Bảo đảm kỷ cương, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, xây dựng kinh tế phải gắn chặt với củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn chủ quyền quốc gia.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

1. Về phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy hải sản:

- Về nông nghiệp: Phấn đấu nhịp độ tăng trưởng ngành nông nghiệp đạt 5%/năm giai đoạn từ nay tới năm 2010.

Phấn đấu tăng sản lượng thóc có chất lượng cao, đặc sản, đến năm 2010 xuất khẩu đạt 3,5 - 4 triệu tấn gạo/năm.

Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, đưa tỷ trọng chăn nuôi từ 20% hiện nay lên 37% vào năm 2010, phát triển chăn nuôi thành ngành sản xuất chính; xây dựng nền nông nghiệp sinh thái phát triển bền vững; tăng tỷ suất hàng hóa nông sản, mở rộng thị trường góp phần phục vụ xuất khẩu. Phát triển nông nghiệp nhằm tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Chuyển đổi cây trồng, coi trọng thâm canh phát triển sản phẩm cây lúa, nghiên cứu chuyển đổi mùa vụ một số

loại cây trồng để phòng tránh thiên tai, lũ lụt. Chú trọng sử dụng quỹ đất và cơ cấu quỹ đất thay đổi theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, các vùng cây chuyên canh có năng suất cao, bảo đảm chất lượng; đến năm 2010 đất nông nghiệp đạt từ 3,5 - 4 triệu ha. Tập trung khai thác vùng Đồng Tháp Mười, Tây Sông Hậu và bán đảo Cà Mau.

- Về lâm nghiệp: thực hiện công tác trồng cây, gây rừng nhằm khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái, hình thành tuyến phòng thủ dọc biển Đông. Trồng mới và bảo vệ rừng phòng hộ vùng Bảy Núi, giữ vững diện tích cây tràm, ổn định diện tích dứa nước, bảo vệ rừng ngập mặn. Đẩy mạnh trồng cây phân tán, kết hợp chặt giữa phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và nuôi trồng thủy sản. Từng bước thực hiện giao đất, giao và khoán rừng để kết hợp làm vườn và sản xuất lâm, ngư kết hợp giữa nuôi tôm và trồng rừng.

- Về thủy, hải sản: phát huy thế mạnh của vùng có bờ biển dài, ngư trường rộng và nhân dân có kinh nghiệm nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. Tăng cường năng lực cho ngành kinh tế quan trọng, đóng góp 50% giá trị xuất khẩu thủy hải sản của cả nước. Đầu tư trang bị hiện đại cho các phương tiện để từng bước đẩy mạnh việc đánh bắt xa bờ.

Phát triển nuôi trồng thủy sản có giá trị cao: tôm, cua và các loại đặc sản có giá trị xuất khẩu cao. Khuyến khích các mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện của vùng này để góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống nhân dân.

2. Về phát triển ngành công nghiệp:

- Phấn đấu nhịp độ tăng trưởng công nghiệp bình quân thời kỳ từ nay đến năm 2000 đạt 13%/năm; và thời kỳ 2001 - 2010 đạt 14%/năm.

Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm để đến năm 2010 tỷ trọng ngành công nghiệp đạt trên 60%. Phát triển các ngành may mặc, dệt, da giày, cơ khí điện tử, vật liệu xây dựng, hóa chất, chế biến thức ăn gia súc... tạo ra những sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật công nghệ cao đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Từng bước đổi mới nhằm tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài. Chuẩn bị điều kiện để đầu tư cho các khu công nghiệp khi có điều kiện: Trà Nóc, Nam Hưng Phú, Vị Thanh, Bến Lức, Đức Hòa, Cầu Ván, Gò Đen, Lương Hòa, Cần Đước, Năm Căn, Cà Mau, Bạc Liêu, Đại Ngãi, Đài An, thị xã Trà Vinh, Bắc Mỹ Thuận, Bình Minh, Bắc Cổ Chiên, Diêu Già, Tân Quy Tây, Trần Quốc Toản, Mỹ Trà, Sông Hậu, Kiên Lương, Ba Hòn, Hòn Chông, Rạch Giá, Tắc Cậu, Bến Nhất, Phú Quốc, Vàm Cống, Châu Đốc, Bảy Núi, Châu Thành (Tiền Giang), Cai Lậy, Gò Công Đông. Từng bước xây dựng các khu công nghiệp theo phương châm làm dứt điểm từng khu, không giàn trải, để đạt hiệu quả kinh tế cao.

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có khả năng tận dụng nguồn lao động tại chỗ, và có khả năng bố trí phân tán với những nhà máy có quy mô vừa và nhỏ với công nghệ tiên tiến nhằm giải quyết việc làm và góp phần công nghiệp hóa nông thôn.

3. Về phát triển các ngành thương mại và dịch vụ:

- Phấn đấu nhịp độ tăng trưởng bình quân thời kỳ từ nay tới năm 2000 đạt 11%/năm và thời kỳ 2001 - 2010 đạt 13%/năm.

Phát triển ngành thương mại và các ngành dịch vụ phải thúc đẩy sự phát triển các ngành kinh tế toàn vùng nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra.

- Hình thành các trung tâm thương mại, siêu thị, mạng lưới chợ... tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh. Từ nay đến 2010 xây dựng trung tâm thương mại vùng tại Cần Thơ là đầu mối cho các hoạt động thương mại liên vùng. Đồng thời tiến hành xây dựng một số trung tâm thương mại thuộc tỉnh như: Tân An, Cao Lãnh, Mỹ Tho, Long Xuyên, Rạch Giá, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bến Tre, Cà Mau, Bạc Liêu, Hà Tiên, Châu Đốc, Tân Châu và Mộc Hóa... nhằm cung cấp các thông tin thương mại tổ chức và quản lý xuất nhập khẩu, lưu thông hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống dân cư.

- Chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ theo hướng ưu tiên du lịch dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, chuyển giao công nghệ, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động dịch vụ.

- Khai thác lợi thế về vị trí địa lý để phát triển nhanh các ngành du lịch, miệt vườn, sinh thái, gắn kết với thành phố Hồ Chí Minh, vùng kinh tế trọng điểm và các tuyến du lịch liên vùng: Tây Nguyên, Đông Nam Bộ để thu hút khách. Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, khai thác gắn với tôn tạo, bảo tồn thiên nhiên, duy trì phát triển tài nguyên du lịch, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

4. Về kết cấu hạ tầng cơ sở:

Phát triển mạng lưới giao thông: đường thủy, đường bộ, hàng không theo quy hoạch. Chú trọng mạng lưới giao thông nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, tạo điều kiện phát triển cho các vùng khó khăn, căn cứ kháng chiến cũ, hải đảo.

Nâng cấp cảng biển và các cảng nằm dọc sông Tiền, sông Hậu, thường xuyên nạo vét luồng lạch, đặc biệt là luồng cửa Định An, cửa Tiên, cửa Trần Đề.

Nâng cấp các quốc lộ của vùng, hoàn chỉnh hệ thống giao thông các tỉnh. Gắn giao thông với hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, cầu cống và các công trình phục vụ thoát lũ, phòng chống bão lụt. Đi đôi với việc chống nhiễm mặn, thau chua, cần xem trọng việc giữ ngọt.

Xây dựng sân bay Trà Nóc trở thành sân bay Trung tâm của đồng bằng sông Cửu Long, quản lý và bảo quản các sân bay khác để khi cần thiết đưa vào sử dụng.

Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cấp, thoát nước các khu đô thị, các khu công nghiệp, chú trọng giải quyết nhu cầu nước sạch của dân cư nông thôn.

Xây dựng mới kết hợp với nâng cấp hệ thống các trường học, bệnh viện, nhà văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu dân sinh.

Về bưu chính viễn thông: hiện đại hóa bưu chính viễn thông theo hướng tự động hóa, số hóa, đồng bộ

hóa mạng lưới thông tin liên lạc phù hợp với yêu cầu thông tin trong nước và giao lưu quốc tế.

Về mạng lưới điện: đầu tư xây dựng mới, kết hợp với cải tạo mở rộng nhà máy nhiệt điện Trà Nóc, hoàn chỉnh mạng đường dây 220 KV, và 110 KV, mở rộng các trạm biến áp hiện có, xây dựng các trạm phân phối nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống. Coi trọng mục tiêu điện khí hóa nông thôn và phục vụ công nghiệp hóa.

Về mạng lưới đô thị và không gian hành lang lãnh thổ: xây dựng mới kết hợp với cải tạo nhằm hình thành mạng lưới đô thị các cấp, phấn đấu đưa tỷ lệ đô thị hóa vùng này đến năm 2000 đạt 19%; và đến 2010 đạt 30%. Phát triển 3 khu vực đô thị: khu tứ giác trung tâm (thành phố Cần Thơ, Long Xuyên, Vĩnh Long và Cao Lãnh); tổ chức không gian hành lang Đông - Nam (thành phố Mỹ Tho, Tân An, Thủ Thừa, Bến Lức...) và hành lang đô thị Tây - Bắc ven Vịnh Tây. Chú trọng tổ chức phát triển các điểm dân cư khu vực nông thôn, đặc biệt là đô thị hóa nông thôn; tạo điều kiện phát triển cho vùng biên giới, vùng ven biển hải đảo, vùng ngập lú, khắc phục tình trạng chênh lệch giữa các vùng.

5. Về văn hóa, giáo dục, y tế và xã hội:

- Phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả của hệ thống giáo dục và đào tạo để nâng cao dân trí, đáp ứng nguồn nhân lực cho nhu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa vùng và cả nước.

- Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở; củng cố và phát triển hệ thống các bệnh viện đa khoa phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch, khám chữa bệnh cho nhân dân, thực hiện có hiệu quả chương trình dân số, kế hoạch hóa gia đình. Từng bước xã hội hóa công tác y tế phục vụ chống các bệnh nhiễm khuẩn, phổ biến dinh dưỡng hợp lý, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường sống và lao động.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác văn hóa, truyền thanh, truyền hình, thể dục thể thao đạt trình độ tiên tiến, xứng đáng với vai trò là nguồn động lực phát triển. Nghiên cứu vận dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại hóa nền tảng và động lực cho kinh tế - xã hội của

vùng phát triển. Lòng ghép có hiệu quả các chương trình quốc gia và các chương trình mục tiêu, thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc còn nhiều khó khăn.

III. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện quy hoạch, cần phải có hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm huy động được mọi nguồn lực trong và ngoài nước phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trên địa bàn từng tỉnh Ủy ban Nhân dân phải cụ thể hóa phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Quy hoạch bằng các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn bằng các chương trình và dự án đầu tư cụ thể nhằm điều hành và quản lý phát triển theo định hướng đã đề ra.

Về thu hút đầu tư, huy động vốn, phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ và môi trường, mở rộng thị trường phục vụ sản xuất và dân sinh phải được các địa phương, các Bộ, ngành liên quan đề xuất với Chính phủ thông qua các chính sách và giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thực hiện đầu tư tập trung nhằm đạt hiệu quả thiết thực, tạo động lực phát triển cho vùng.

Thực hiện chính sách khuyến khích kinh tế đối với những ngành, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường và hướng về xuất khẩu.

Trên cơ sở Quy hoạch đã được phê duyệt, các tỉnh trong vùng phải rà soát lại quy hoạch tổng thể của từng địa phương, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế để sắp xếp thứ tự ưu tiên hợp lý thể hiện bằng các kế hoạch hàng năm và dự án cụ thể.

Điều 2.- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban Nhân dân các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long có trách nhiệm tổ chức, kiểm tra, theo dõi thực hiện Quy hoạch một cách chặt chẽ, xây dựng kế hoạch 5 năm, hàng năm và các chương trình, dự án phù hợp với Quy hoạch.

Các Bộ, ngành trung ương có trách nhiệm phối hợp giúp đỡ các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long trong quá trình soát xét, tổ chức thực hiện các dự án đề ra, đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch từng tỉnh với quy hoạch vùng và cả nước.

Trong quá trình thực hiện Quy hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kết hợp với các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban Nhân dân các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long tiến hành tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm để có bổ sung điều chỉnh kịp thời.

Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI